

EW1 ra phôi
T20*6.6*27.7

GS1:

-6.133=>lượt sáng
-18.000=>18.05
-27.155=>27.20

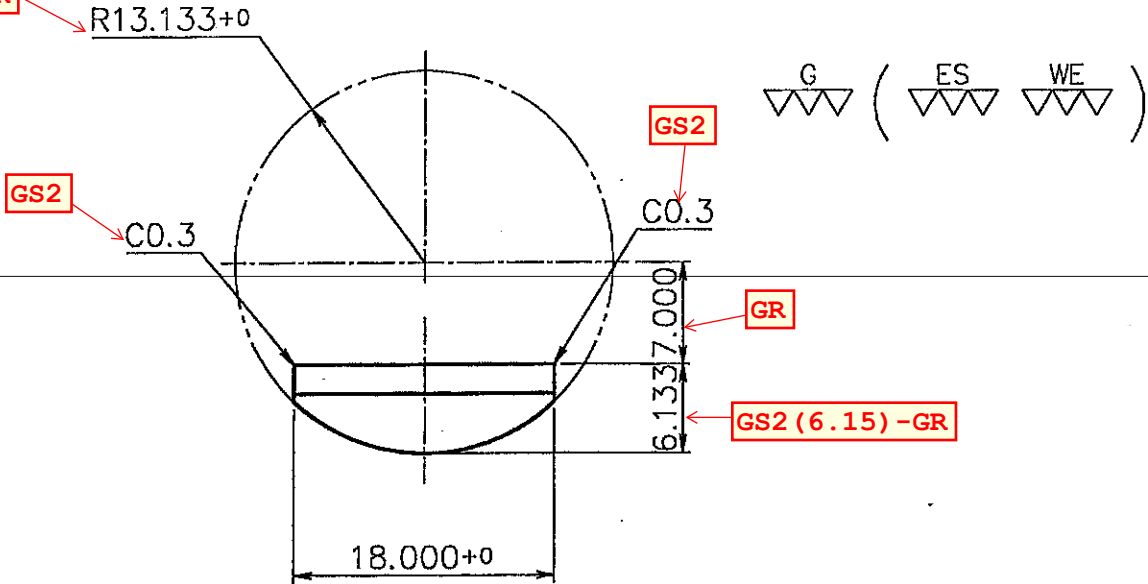
56部品圖分割出來,重新CAD

事 擔當
56部品圖分割出來,重新CAD 曾中熙

金 型 加 工 公 差 表 示			
0.0000	±0.002	0.000 ⁺⁰	+0 -0.005
0.000	±0.005	0.000-0	+0 -0.005
0.00	±0.01	0.00 ⁺⁰	+0 -0.01
0.0	±0.1	0.00-0	+0 -0.01
0.	±0.2	0.0 ⁺⁰	+0 -0.1
		0.0-0	+0.1 -0

圖面上有公差表示時,以圖面公差優先

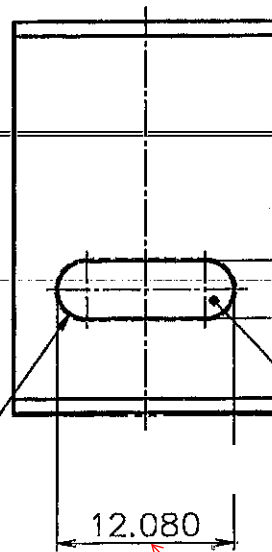
GS (C3.0) -GR



GS1-GS2

GS2

GS2



GS2

GS2

GS2

C0.2

C0.2

EW2-GS2

3.5

(27.155)

3°(全圖)

EW2

30°

GP

角部R0.3

GP

S CHUẨN

2-R1.990

下模沖模

EW2

EW2

GS2

GS2

加工順	工程	部 品 名	材 質	數 量	設 備 名 稱
01		下型タイ	WC(D40HIP)	1	横風穴抜切り起こし型
02		熱 處 理	表面處理	檢 圖	設 計
03		燒入HRC		松本	曾中熙
04		燒灰			2001/11/19
05		尺 度	第三圖面番號	TM14-027M-00-1-081-AB	訂正 REV
06		2:1 (/)	角法		

F:\3189\OTHER\TM14-027M-00-1-081-AB

華洲電機工業股份有限公司 v.2

414-306-0127

SNO: **S161627**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: T20*7.2*28.2	EW1:60 GS1:60 ED:20 EW2:90 GS2:120 GR:120 GP:60 KT